

(tiếptheo)

Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm Nhâm Tuất (2879 trước công nguyên) và lấy con gái Động Đình quân là Long nữ đẻ ra Sùng Lãm. Sùng Lãm nối ngôi vua và xưng là Lạc Long quân.

Lạc Long quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ, đẻ một lần được một trăm người con trai (có sách chép là Âu Cơ đẻ ra một trăm cái trứng nở ra một trăm người con trai). Lạc Long quân bảo Âu Cơ: “Ta là dòng dõi Long quân, nhà người là dòng dõi thần tiên, ăn ở lâu với nhau không được; nay đã có trăm đứa con thì nhà người đem 50 đứa lên núi, còn 50 đứa ta đem xuống bể Nam Hải”.

Có lẽ cũng từ đó nước Xích Quỷ chia ra nhiều nước gọi là Bách Việt.

Căn cứ vào truyền thuyết và các thư tịch cổ, các nhà khảo cổ học đã phát hiện hàng trăm di tích khảo cổ học. Các di tích đó đã cho thấy thời đại Hùng Vương là có thật trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Nước Văn Lang chia làm 15 bộ lạc, đứng đầu mỗi bộ lạc là các lạc tướng thế tục cai trị đất nước.

15 bộ lạc đó là :- Văn Lang : Phần đất Bạch Hạc; - Châu Diên: Phần đất Sơn Tây; - Phúc Lộc: Phần đất Sơn Tây; - Tân Hưng:-Phần đất Tuyên Quang; - Vũ Định: Phần đất Thái Nguyên và Cao Bằng; - Vũ Ninh: Phần đất Bắc Ninh; - Lục Hải: Phần đất Lạng Sơn; - Ninh Hải: Phần đất Quảng Yên; - Dương Tuyền: Phần đất Hải Dương; - Giao Chỉ: Phần đất Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình; - Cửu Chân: Phần đất

thuộc Thanh Hóa; - Hoài Hoan: Phần đất Nghệ An; - Cửu Đức: Phần đất Hà Tĩnh; - Việt Thường: Phần đất Quảng Bình, Quảng Trị; - Bình Văn?

Như vậy, tên nước Văn Lang rất có ý nghĩa. Đó là đất nước của những con người thông minh, tài giỏi (bởi vì Văn), đất nước của những con người trẻ tuổi, đầy sức sống (bởi vì LANG). Từ hơn bốn ngàn năm trước, ông cha ta đã là tuyệt vời.

## Âu Lạc 區欠馬各

Năm 214 trước công nguyên, nhà Tần tràn xuống xâm lược đất Việt. Nhân dân Âu Việt và Lạc Việt chống lại kịch liệt. Thục Phán, một thủ lĩnh thuộc người Âu Việt, người có công trong cuộc kháng chiến, người đã thống nhất các tộc người Âu Việt và Lạc Việt, lập ra nhà nước Âu Lạc, xưng là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa, tiếp tục sự nghiệp dựng nước thời Văn Lang của các Vua Hùng.

**Âu:** có nghĩa là: - cái âu, cái bồn nhỏ, cái chén; - Tên đất.

**Lạc:** Từ Lạc trong cụm từ Âu Lạc, lâu nay thường dùng chữ Lạc này. Chữ Lạc ở đây có nghĩa là Lạc Đà. E rằng trong trường hợp này không phù hợp.

Trong chữ Hán có tới gần 20 chữ Lạc. Tìm ra trong đó có một số chữ có phân liên quan đến Âu Lạc:

1- Chữ Lạc có nghĩa:

- Con trâu có nhiều sắc loang lổ (Báo lạc).
- Rãnh rọt, gãy gọn, rõ ràng (Lạc lạc).
- Siêu việt, giỏi hơn người (Trác lạc).

2- Chữ Lạc có nghĩa :

- Chuỗi ngọc (anh lạc).
- Lấy ngọc châu xâu thành chuỗi đeo vào cổ cho đẹp.

3- Chữ Lạc có nghĩa:- Quán quanh, xe, quay; Như *lạc ty* là quay tơ. Phàm là những gì có ý ràng buộc đều gọi là *lạc* như lung lạc, liên lạc...; - Đan lưới, mạng lưới ...; - Khuôn vây như: Thiên duy địa lạc, có ý nói địa thế liên lạc như lưới chăng vây; - Bao la như vông lạc cổ kim, có ý nói bao la cả xưa nay; - Kinh lạc trong y học; - Mạch lạc.

4- Chữ Lạc có nghĩa :- Vui vẻ, vui mừng; - Lạc thổ: Nơi yên vui, nước có đức ... Nếu như chữ Lạc này được đi cùng chữ Âu thành Âu Lạc với ý nghĩa: Đây là vùng đất của những con người, của một dân tộc tài năng, thông minh, siêu việt thì hay biết mấy!

Âu cũng là chuyện xưa, ta luôn kính trọng, vì thế vẫn viết hai chữ Âu Lạc.

### Vạn Xuân 萬春

Năm 207 trước công nguyên, Triệu Đà nhân lúc nhà Tần sụp đổ, chiếm giữ ba quận Nam Hải, Quế Lâm và Tượng - lập ra nước Nam Việt ở sát phía bắc nước Âu Lạc. Với nhiều thủ đoạn thôn tính nước Âu Lạc, cuối cùng An Dương Vương mắc mưu Triệu Đà. Triều đình Cổ Loa bị thất bại. Nước Âu Lạc bị sáp nhập vào nước Nam Việt của Triệu Đà và chia thành hai quận: Giao Chỉ và Cửu Chân, bao gồm Bắc Bộ và Trung Bộ ngày nay. Đó là vào năm 179 trước công nguyên.

Đến năm 111 trước công nguyên, triều đình nhà Hán tấn công tiêu diệt nước Nam Việt của con cháu Triệu Đà, chiếm kinh đô Phiên Ngung, nay là Quảng Châu. Sau khi chiếm được cả Âu

Lạc, nhà Hán chia nước ta thành: quận Giao Chỉ (Bắc Bộ), quận Cửu Chân (Bắc Trung Bộ) và đặt thêm quận mới là quận Nhật Nam (Trung Trung Bộ). Từ đó, bắt đầu lịch sử một ngàn năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc của dân tộc Việt Nam.

Năm 40 có cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Hai Bà Trưng là đồng dôi con cháu Vua Hùng. Làm chủ được 65 thành ấp ở đất Lĩnh Nam, Bà Trưng xưng vương, đóng đô ở Mê Linh (Vĩnh Phúc). Năm 43, nhà Hán cử đại quân do Mã Viện chỉ huy sang đánh chiếm nước ta. Chúng lại áp đặt ách thống trị nước ta một lần nữa.

Năm 248 có cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu.  
Năm 542 có cuộc khởi nghĩa của Lý Bí. Đến năm 544, giành thắng lợi, tuyên bố dựng nhà nước độc lập, Lý Bí lên ngôi và lấy tên nước là Vạn Xuân. Lý Bí (còn gọi là Lý Bôn) vốn dòng dôi người Trung Hoa. Vào đời Tây Hán, tổ tiên ông phải tránh loạn chạy sang Giao Châu, đến lúc đó đã là bảy đời, thành ra người bản xứ rồi. Ta hãy phân tích về Quốc hiệu Vạn Xuân.

**Vạn:** Chữ Vạn có nghĩa :

- Một vạn là mười ngàn; - Từ dùng để nói về số nhiều; - Rất nhiều như vạn biến, vạn phúc...

**Nguồn gốc của chữ Vạn:** Chữ tượng hình có nguồn gốc là "Bò cạp". Bò cạp có đủ càng, thân và đuôi, ý nghĩa nói lên là nhiều.

- Vạn an : Muôn lần yên ổn. Lời dùng để cầu chúc; - Vạn bang: Rất nhiều nước - vạn quốc; - Vạn biến : Thay đổi nhiều lần; - Vạn bội : Không

sao kê xiết; - Vạn cảm: Muôn điều cảm kích trong lòng; - Vạn phúc: Nhiều phúc cùng đến một lần; - Vạn thọ : Lời chúc mừng tốt đẹp; - Vạn phần, muôn phần; Vạn tuế.

**xuân :**

Chữ xuân có nghĩa là:- Mùa xuân; - Mầm non, xanh tươi; - Đẹp, êm đềm.

Nguồn gốc của chữ xuân:

Chữ tượng hình này gồm 3 bộ phận:- Nhật: Mặt trời; - Thảo: cỏ; - Đôn: Là gốc của chữ Xuân.

Một số từ đi cùng với Xuân: Xuân bất tái lai: ý nói đời người ngắn ngủi, tuổi trẻ không trở lại với ta nữa; - Xuân hiển: Hiển là buổi sớm mai. Xuân hiển là buổi sáng mùa xuân; - Xuân huy : ánh sáng mùa xuân; - Xuân phương : Hương thơm của các hoa mùa xuân; - Xuân tiêu: Đêm xuân; - Xuân thiên: Trời xuân, ngày xuân.

**Vì sao quốc hiệu là Vạn xuân?**

Đấu tranh gian khổ để giành được độc lập cho nhà nước non trẻ và khát vọng mãi mãi phát triển bền vững; đồng thời luôn luôn cảnh giác với âm mưu xâm lược của phong kiến Phương Bắc. Phải chăng đó là lý do vì sao Lý Bí lên ngôi, xưng danh Lý Nam Đế và đặt tên nước là Vạn Xuân!